

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81 /2017/DSST.

Ngày: 22- 9- 2017

V/v: “ Tranh chấp thay đổi
người trực tiếp nuôi con và
chia tài sản sau khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH,
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hiền

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 535/2016/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2016 về việc “ tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số :81/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2017/QĐST- HNGĐ ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 .

Địa chỉ: Ấp A, xã H , huyện NT, tỉnh Đồng Nai

Tạm trú: KP4, phường B, B H, tỉnh Đ N.

Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện NT, tỉnh Đ N

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2016 và các lời khai tiếp theo và tại Phiên Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Đinh Văn T kết hôn năm 2004. Đến năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã làm đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch giải quyết cho ly hôn bằng bản án số 51/ 2016 /HNGĐ – ST ngày 19/7/2016.

Theo bản án thì chị được giao nuôi dưỡng con chung là tên Đinh Công Minh sinh ngày 15/4/2006. Còn con tên Đinh Đức B sinh ngày 26/01/2013 sẽ giao cho anh Đinh Văn T chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên, kể từ khi Tòa tuyên án, cháu Minh và cháu B vẫn ở với chị. Cháu Toàn còn nhỏ nên chị đã gửi cháu cho mẹ ruột chị chăm sóc. Hiện nay chị đã đưa con vào Biên Hòa để trực tiếp chăm sóc. Anh T không chăm sóc nuôi dưỡng cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Do vậy chị T làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con đề nghị Tòa án tuyên giao con chung tên Đinh Đức B sinh ngày 26/01/2013 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có: Một căn nhà, 02 phòng trọ tọa lạc trên diện tích đất 101.8m² thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04 xã Hiệp Phước. 01 sổ tiết kiệm trị giá 125.000.000đồng và một số tài sản trong nhà như bàn ghế, tủ lạnh, tivi. Tại bản án ly hôn chị và anh T không tranh chấp mà tự thỏa thuận với nhau. Tuy nhiên sau khi về hai bên không tự thỏa thuận được.

Trước đây chị có làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia đôi giá trị các tài sản vật dụng trong nhà như ti vi, tủ lạnh, bàn ghế. Tại phiên Tòa chị xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung trên.

Theo chứng thư thẩm định giá do công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai cung cấp thì trị giá nhà đất là 599.023.000đ, hiện chị đang giữ 125.000.000đ. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 724.023.000đ, chị yêu cầu chia cho chị hưởng ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng là 362.011.5000đ.

* Bị đơn anh Đinh Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo hòa giải, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ nhưng anh T không đến Tòa cũng không nộp bản khai nên không có ý kiến trong hồ sơ vụ án.

*Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Về thời hạn đưa vụ án ra xét xử là vi phạm cần khắc phục.

Về đường lối xét xử: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T, xử giao con chung là cháu Đinh Đức B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chia tài sản chung của vợ chồng cho chị T được nhận ½ giá trị tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T nộp đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên được thụ lý giải quyết. Bị đơn anh Đinh Văn T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 BLTTDS năm 2015 giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cho chị được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nên quan hệ tranh chấp được xác định là: “ Thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn ”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thì thấy:

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị T cho rằng trước đây Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/ 2016 /HNGĐ – ST ngày 19/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã tuyên giao con chung là Đinh Đức B cho anh T nuôi dưỡng, giao cho chị T nuôi dưỡng con chung là cháu Đinh Công Minh. Tuy nhiên kể từ ngày tuyên án cả hai con chung vẫn do chị T nuôi dưỡng, anh T cũng không cấp dưỡng nuôi con và không có ý kiến gì về việc đưa cháu B về chăm sóc. Xét lời khai của chị T là có căn cứ bởi lẽ qua bản T trình của bà Nguyễn Thị Như (mẹ ruột chị T) có xác nhận của trường mầm non Ngọc Liên đóng tại UBND huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương (BL 20). UBND xã Hiệp Phước nơi anh T cư trú cũng xác nhận anh Trương không sống cùng con chung mà cả hai con chung đều sống cùng mẹ. Như vậy việc chị T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị T yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 101.8m² thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04 xã Hiệp Phước và 01 căn nhà, 02 phòng trọ tọa lạc trên đất; 125.000.000đồng tiền gửi tiết kiệm trước đây, cho chị được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ tại bản án ly hôn số 51/ 2016 /HNGĐ – ST ngày 19/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch chị T và anh T đều thừa nhận các tài sản chung như trên nhưng tự thỏa thuận, không tranh chấp (BL 79,80). Hiện nay chị T đang giữ 125.000.000đ tiền trước đây gửi tiết kiệm, còn anh Trương đang quản lý nhà đất và phòng trọ trên đất. Như vậy, cần chia cho chị T, anh T mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là phù hợp với quy định pháp luật. Hiện số tiền 125.000.000đ chị T đang giữ, còn anh T đang quản lý sử dụng

Trước đây chị có làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia đôi giá trị các tài sản vật dụng trong nhà như ti vi, tủ lạnh, bàn ghế. Tại phiên Tòa chị xin rút yêu cầu bổ sung. Như vậy cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 1533/TĐG-CT ngày 23/6/2017 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai, giá trị quyền sử dụng đất là 407.200.000đồng. Công trình xây dựng trên đất gồm nhà ở gia đình, phòng trọ, mái hiên, cổng trụ, T rào là 191.823.000đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản tranh chấp là 407.200.000đ + 191.823.000đ + 125.000.000đ (số tiết kiệm) = 724.023.000đ. Như vậy cần chia cho chị T và anh T mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 724.023.000đ/2 = 362.011.500đồng. Hiện

chị T đang giữ sổ tiết kiệm 125.000.000đồng còn anh T đang quản lý nhà đất. Như vậy, cần giao cho anh T quản lý sử dụng diện tích đất 101.8m² thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04 xã Hiệp Phước có 01 căn nhà, 02 phòng trọ tọa lạc trên đất, giao cho chị T quản lý sở hữu số tiền 125.000.000đồng. Anh T phải trả cho chị T số tiền chênh lệch 362.011.500đồng – 125.000.000đồng = 237.011.500đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 18.100.575đồng án phí chia tài sản chung (có giá ngạch 362.011.500đ) khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 8.012.500đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 001658 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai chị T phải nộp tiếp 10.088.075đ. Anh Đinh Văn T phải chịu 18.100.575đồng án phí chia tài sản chung (có giá ngạch 362.011.500đ).

- Về chi phí tố tụng: Chị T phải chịu 3.272.000đ (đã nộp xong). Anh T phải chịu 3.272.000đồng (hoàn trả cho chị T).

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 220, 227, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 33, Điều 59, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Pháp lệnh về lệ phí và án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

1.Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc: “ chia tài sản chung sau khi ly hôn ” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh Đinh Văn T chia tài sản chung gồm 01 bộ bàn ghế tiếp khách, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 01 tủ gỗ, 01 ti vi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc: “Thay đổi người trực tiếp nuôi con và tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Xử: Giao con chung tên Đinh Đức B sinh ngày 26/01/2013 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Chia tài sản chung vợ chồng cho chị Nguyễn Thị T, anh Đinh Văn T mỗi người được hưởng ½ giá trị diện tích đất 101.8m² thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04, xã Hiệp Phước và 01 căn nhà cấp 4 cùng 2 phòng trọ nằm trên đất và số tiền 125.000.000đồng là 362.011.500đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu, không trăm mười một nghìn năm trăm đồng) .

Buộc anh Đinh Văn T phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch 237.011.500đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu không trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Giao cho anh T được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 101.8m² thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04 , xã Hiệp Phước, được giới hạn bởi các mốc: (1, 2, 3, 4, 1),theo bản vẽ ngày 26/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Nhơn Trạch.

Giao cho anh T được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 và 2 căn phòng trọ, công trình phụ nằm trên diện tích đất 101.8m² thửa đất số 121 tờ bản đồ số 04, có kết cấu: 1. nhà ở gia đình: móng, cột gạch, trần tôn lạnh, xà gồ sắt hộp, mái tôn, T gạch, quét vôi, nền gạch ceramic, cửa đi gỗ kính, cửa sổ sắt kính; khu bếp: thành xây gạch, trên đan kệ bê tông cốt thép ốp gạch ceramic; khu vệ sinh: nền gạch ceramic nhám, T gạch ceramic, cửa nhôm, xí xôm; gác: nền gạch ceramic, lan can sắt, cầu thang sắt. 2. Phòng trọ: Móng, cột gạch, trần tôn lạnh, xà gồ sắt hộp, mái tôn, T gạch ốp gạch ceramic, trên quét vôi, nền gạch ceramic, cửa sắt đi bọc tôn; khu bếp: thành xây gạch, trên đan kệ bê tông cốt thép ốp gạch ceramic; khu vệ sinh: nền gạch ceramic nhám, T gạch ceramic, cửa nhựa, xí xôm (theo chứng thư thẩm định giá số 1533/TĐG-CT ngày 23/6/2017 của công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai).

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 18.100.575đồng án phí chia tài sản chung (có giá ngạch 362.011.500đ) khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 8.012.500đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 001658 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai chị T phải nộp tiếp 10.088.075đ. Anh Đinh Văn T phải chịu 18.100.575đồng án phí chia tài sản chung (có giá ngạch 362.011.500đ).

- Về chi phí tố tụng: Chị T phải chịu 3.272.000(đã nộp xong). Anh T phải chịu 3.272.000đồng (hoàn trả cho chị T).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TA tỉnh ĐN;
- VKS, THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

Đặng Đình Hiền